

Bản án số: 58/2018/DS – ST
Ngày: 08 – 10 – 2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Chí.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2018/TLST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST – DS ngày 13/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Hà Q, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số X, đường D, khóm BK 3, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang
(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1958

Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Số X, khóm Bình K 4, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bà B và ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018, bản tự khai cũng như tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hoàng Hà Q trình bày:*

Ông và vợ chồng bà B, ông H có quan hệ là bạn bè quen biết trước và họ có vay tiền của ông nhiều lần. Ngày 13/9/2017, do cần vốn cho vay lại nên bà B trực tiếp vay của ông số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà B ký vào biên nhận nợ ngày 13/9/2017. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hạn sẽ trả vốn sau 06 tháng. Sau khi nhận tiền vay thì bà B có trả lãi được 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) thì ngưng. Nay, do thời hạn vay đã hết, ông nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà B trả nợ nhưng họ không thực hiện. Ông xác định, do Biên nhận nợ ngày 13/9/2017 chỉ có bà B ký tên nhận tiền nên ông rút lại yêu cầu về việc ông H liên đới với bà B trả nợ cho ông. Ông yêu cầu bà Võ Thị B trả cho ông 10.000.000 đồng và trả lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 14/9/2017 đến khi vụ án được xét xử xong.

Bà Võ Thị B và ông Trần Hoàng H không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hà Q và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Hoàng Hà Q và bà Võ Thị B, ông Trần Hoàng H là tranh chấp về hợp đồng dân sự Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà B, ông H theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà B và ông H vẫn không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn.

Về nội dung:

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính Biên nhận nợ ngày 13/9/2017 với nội dung thể hiện, ông H cùng vợ là bà B có vay của ông Q số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng.

[4] Quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn không có mặt để trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông Q cũng như không có ý kiến đối với chứng cứ là Biên nhận nợ ngày 13/9/2017 mà Tòa án đã thông báo cho bị đơn bằng Thông báo số 91/2018/TB – TA, ngày 31/7/2018 về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Như vậy, ông H và bà B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 72. Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào lời khai và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[5] Do ông H không trực tiếp ký tên vào Biên nhận nợ ngày 13/9/2017 nên ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu ông H liên đới nghĩa vụ trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến nghĩa vụ trả nợ của ông H và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét thấy, giữa ông Q và bà B đã xác lập giao dịch dân sự là quan hệ hợp đồng vay tài sản thông qua Biên nhận nợ ngày 13/9/2017. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết.

[7] Ông Q trình bày, sau khi nhận đủ tiền vay bà B có thực hiện nghĩa vụ trả lãi được 02 tháng, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) thì ngưng và đến nay cũng không trả vốn. Ông Q nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ nhưng bà B không thực hiện do đó ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Nguyên đơn yêu cầu bà B phải trả tiền lãi với lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 14 tháng 09 năm 2017 đến khi vụ án được xét xử xong tính tròn là 11 tháng. Yêu cầu này là có lợi cho bị đơn và không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận:

10.000.000 đồng x 1%/tháng x 11 tháng = 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

[9] Do bà B đã nộp lãi là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) được vào tiền lãi phải trả, bà B phải còn phải trả cho ông Q 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi vay.

[10] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008298 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, Điều 177, Điều 227, Điều 228; Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu đồng bị đơn là ông Trần Hoàng H liên đới nghĩa vụ trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị B có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Hà Q tổng số tiền là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó có 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là tiền vốn vay còn nợ và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi vay.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008298 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà B và ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.LX;
- THADS TP.LX;
- Lưu VP, hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh